

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD

TÊN MÔN HỌC: ĐỒ ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG CT DD & CN HỌC KỲ 6

MÃ MÔN HỌC : CIE-434 TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 29/05/2013

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15		30						55	100		
1	152210186	ĐOÀN VIỆT	VƯƠNG	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sầu pháy Hai	
2	168211980	TRẦN TẤN	ANH	T16XDD1	4		5						V	0.0	Khăng	
3	168211983	HOÀNG THÁI	BÌNH	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
4	168211984	NGUYỄN TẮT	CẦN	T16XDD1	9		7						7	7.3	Báy pháy Ba	
5	168211985	HUỖNH NGỌC	CHÍ	T16XDD1	9		6						4	5.4	Nằm pháy Bấu	
6	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	4		5						V	0.0	Khăng	
7	168211989	NGUYỄN CAO	CƯỜNG	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sầu pháy Hai	
8	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sầu pháy Hai	
9	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
10	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	9		8						7	7.6	Báy pháy Sầu	
11	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	5		5						V	0.0	Khăng	
12	168212000	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	T16XDD1	9		5						3	0.0	Khăng	
13	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	9		6						8	7.6	Báy pháy Sầu	
14	168212002	BÙI THANH	HÒA	T16XDD1	9		5						4	5.1	Nằm pháy Mất	
15	168212003	NGUYỄN VĂN	HÒA	T16XDD1	9		7						7	7.3	Báy pháy Ba	
16	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	9		8						7	7.6	Báy pháy Sầu	
17	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	9		7						4.5	5.9	Nằm pháy Chên	
18	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
19	168212010	TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	9		6						7	7.0	Báy	
20	168212011	ĐÌNH VĂN	KHOA	T16XDD1	9		6						6	6.5	Sầu pháy Nằm	
21	168212012	NGUYỄN LƯU ĐÌNH	KỶ	T16XDD1	8		6						5	5.8	Nằm pháy Tằm	
22	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	9		6						5	5.9	Nằm pháy Chên	
23	168212014	NGUYỄN TẤN	LỰC	T16XDD1	6		4						V	0.0	Khăng	
24	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	9		5						3	0.0	Khăng	
25	168212016	LỮ TRỌNG	MINH	T16XDD1	9		6						4	5.4	Nằm pháy Bấu	
26	168212017	PHẠM THANH	MƯỜI	T16XDD1	9		7						7	7.3	Báy pháy Ba	
27	168212020	ĐƯƠNG HỒNG	NAM	T16XDD1	9		8						8	8.2	Tằm pháy Hai	
28	168212022	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	T16XDD1	4		5						V	0.0	Khăng	
29	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
30	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
31	168222065	ĐẶNG QUỐC	BẢO	T16XDD1	9		7						5	6.2	Sầu pháy Hai	
32	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	0		0						HP	0.0	Khăng	
33	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỂN	T16XDD2	7		6						2	0.0	Khăng	
34	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	8		7						4	5.5	Nằm pháy Nằm	
35	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	9		8						7.5	7.9	Báy pháy Chên	
36	168212023	PHAN ĐÌNH	NHÂN	T16XDD2	9		8						7.5	7.9	Báy pháy Chên	
37	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	8		7						4	5.5	Nằm pháy Nằm	
38	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	9		7						5	6.2	Sầu pháy Hai	
39	168212032	HUỖNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	9		6						5	5.9	Nằm pháy Chên	
40	168212033	VÕ MINH	QUỐC	T16XDD2	9		6						4	5.4	Nằm pháy Bấu	

Ngày thi: 29/05/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		
41	168212036	TRƯƠNG NGUYỄN SA	T16XDD2	9		6						7.5	7.3	Baý pháp Ba		
42	168212037	ĐẶNG VĂN SĨ	T16XDD2	9		5						4	5.1	Năm pháp Mầu		
43	168212038	NGUYỄN MINH TÂM	T16XDD2	9		6						6	6.5	Sầu pháp Năm		
44	168212041	ĐINH QUANG THANH	T16XDD2	9		7						5	6.2	Sầu pháp Hai		
45	168212042	PHẠM TRUNG THÀNH	T16XDD2	9		8						8	8.2	Tăm pháp Hai		
46	168212043	TRẦN TÀI THÀNH	T16XDD2	9		5						4	5.1	Năm pháp Mầu		
47	168212050	NGUYỄN CÔNG TRỖI	T16XDD2	9		5						4	5.1	Năm pháp Mầu		
48	168212052	NGUYỄN THANH TRUNG	T16XDD2	9		6						6	6.5	Sầu pháp Năm		
49	168212053	PHẠM MINH TUẤN	T16XDD2	9		7						7	7.3	Baý pháp Ba		
50	168212054	VĂN ĐÌNH TUẤN	T16XDD2	9		6						5	5.9	Năm pháp Chên		
51	168212055	NGUYỄN XUÂN TY	T16XDD2	9		6						4	5.4	Năm pháp Bấu		
52	168212057	NGUYỄN ĐỨC VINH	T16XDD2	9		5						4	5.1	Năm pháp Mầu		
53	168212058	PHẠM VĨNH	T16XDD2	9		5						4.5	5.3	Năm pháp Ba		
54	168212060	TRẦN QUANG VŨ	T16XDD2	9		5						2	0.0	Khăng		
55	168212061	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	T16XDD2	9		8						8.5	8.4	Tăm pháp Bấu		
56	168222100	NGUYỄN THANH NGỌC	T16XDD2	9		6						5	5.9	Năm pháp Chên		
57	168222125	TRẦN GIANG TUẤN	T16XDD2	9		6						7	7.0	Baý		
58	168222129	NGUYỄN ĐÌNH VINH	T16XDD2	9		5						3	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	42	72%	
2	Số sinh viên nợ	16	28%	
TỔNG CỘNG :		58	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 06 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú